

XÊN KHỚ VÀ VŨ TRỤ QUAN CỦA NGƯỜI THÁI Ở YÊN CHÂU, SƠN LA

Kiều Trung Sơn

Tóm tắt:

Người Thái tin vào thế giới PHI⁽¹⁾, một thế giới của những thực thể tâm linh ngoài con người, vô hình nhưng chi phối mọi mặt thế giới hữu hình. Họ cũng tin vào thế giới KHUAN, những thực thể tâm linh trong bản thân con người. Mối liên hệ giữa thế giới trần tục của con người với thế giới PHI giúp chúng ta hình dung được một vũ trụ quan tôn giáo khá phức tạp của người Thái, trong đó sức khỏe, tuổi thọ và sự bình yên của con người liên quan chặt chẽ với PHI. Bài viết dưới đây sẽ tập trung phân tích lễ xên khớ - cúng giải hạn của người Thái ở Yên Châu, tỉnh Sơn La. Nội dung bài viết lập luận rằng qua lễ xên khớ có thể nhận ra vũ trụ quan Thái, dù chỉ là một phần, nhưng được biểu hiện khá tập trung; đó là niềm tin vào một hệ thống các thực thể tâm linh phức tạp, được phân định đẳng cấp nghiêm ngặt và vận hành theo quy luật, từ đó người tìm hiểu muốn đặt nó vào phạm vi tôn giáo, thay vì tín ngưỡng chung chung gắn với phong tục dân gian thường thấy trong các nghiên cứu văn hóa.

Từ khóa: Người Thái, Vũ trụ quan, Lễ xên khớ, PHI và KHUAN.

*

1. Mở đầu

Yên Châu từng là một huyện thuộc tỉnh Sơn La, sau 01/7/2025, bỏ cấp huyện, gọi là xã Yên Châu gồm diện tích tự nhiên và quy mô dân số sáp nhập từ các đơn vị hành chính: Thị trấn Yên Châu, các xã Chiềng Đông, Chiềng Sàng, Chiềng Khoi, Chiềng Păn và Sạp Vạt. Xã Yên Châu nằm ở khoảng giữa Mộc Châu và thành phố Sơn La (nay là phường Tô Hiệu); theo quốc lộ số 6, cách Mộc Châu khoảng 30km về phía Đông Nam, cách trung tâm Sơn La khoảng 50km về phía Tây Bắc. Theo Cầm Trọng, Yên Châu được nhắc đến trong *Quám tổ mường* (“Kể chuyện bản mường” - tác phẩm văn học sử, kể tích xưa, truyền miệng của người Thái) với tên Mường Vạt; thời Trần gọi là Mường Việt; thời Lê gọi là Việt Châu; thời Nguyễn, năm Minh Mạng thứ III (1822) đổi tên thành An Châu, còn gọi là Yên Châu, tên hiện nay.

Người Thái ở Yên Châu là một nhóm địa phương trong cộng đồng dân tộc Thái ở Việt Nam, chiếm phần đông trong số 5 dân tộc (Thái, Kinh, Xinh Mun, Mông, Khơ Mú). Địa bàn chính mà chúng tôi lựa chọn khảo sát là Chiềng Khoi và Chiềng Đông, nơi tỷ lệ cư dân

Thái cao và cư trú chủ yếu tập trung thành bản riêng, có bản gần như 100% người Thái Đen. Chẳng hạn, ở Chiềng Khoi có 6 bản người Thái Đen, với 5 dòng họ: Lò, Lừ, Mè, Hoàng (Khoàng), Cà (Khà). Tại bản Áng, nơi chúng tôi gặp được thầy Một và thầy Pí Một (mục đích tìm hiểu âm nhạc Một Lao), 100% dân cư là người Thái Đen. Nhìn chung, đời sống hiện tại của người dân nơi đây đã được cải thiện đáng kể so với trước, cho dù họ vẫn làm ruộng, trồng lúa nước và chăn nuôi tại gia là chính. Bên cạnh đó, họ cũng khá linh hoạt trong việc làm dịch vụ nông nghiệp, dịch vụ vận tải, buôn bán các sản vật địa phương như đồ thủ công, cây thuốc nam, hoa quả v.v. Vẫn còn hộ gia đình thuộc diện nghèo nhưng đã ít hơn nhiều so với trước. Hầu hết mọi người trong bản, ở mọi lứa tuổi sử dụng điện thoại di động; thanh niên dùng smartphone, còn người cao tuổi dùng loại “cục gạch”. Kết nối với thế giới bên ngoài không còn là điều gì xa lạ với người Thái ở Yên Châu. Tuy nhiên, những thay đổi về điều kiện sống và việc dễ dàng được thụ hưởng văn minh công nghệ số không làm niềm tin vào PHI của họ thay đổi. Bên cạnh những

lễ cúng cộng đồng (*xên bản*) diễn ra vào một thời điểm nhất định trong năm, vẫn thường xuyên có những lễ cúng tổ chức tại gia đình vì nhiều lý do khác nhau, trong đó có lễ cúng với âm nhạc rất đặc biệt. Đó là *xên Một Lao*, một trong số các loại cúng giải hạn, gọi chung là *xên khớ*, do thầy Một thực hiện. Người Thái ở đây vẫn thường nhờ thầy Một giúp giải quyết những sự vụ liên quan đến sức khỏe, số phận, hạnh phúc gia đình mà họ bói được là do một loại *phi* nào đó tác động. Làm thầy Một ở Yên Châu là một nghề chuyên nghiệp; thầy không làm bất cứ việc gì khác ngoài *xên khớ*.

2. Xên khớ

Chuyển sang tiếng phổ thông, *xên khớ* nghĩa là cúng giải hạn. Dịch từng chữ: “*Xên*” là cúng, “*khớ*” là hạn (Hà Văn Đức 2011: 34). Tuy nhiên không đơn giản như cách giải nghĩa theo từng chữ, *xên* và *khớ* trong đời sống tâm linh Thái phức tạp hơn nhiều.

Người Thái phân biệt hai hình thức giao tiếp với thần linh là *xên* và *tham*. *Tham* nghĩa là khẩn nên không giống *xên* được. Cả hai đều là nói trước thần linh nhưng *tham* là việc mà ai cũng có thể thực hiện, còn *xên* thì chỉ người có phẩm chất, uy tín cao với cộng đồng hoặc có năng lực Then (Trời) ban cho mới làm được. Thực hành *tham* có thể chỉ cần đọc hay nói lời văn bình thường nhưng thực hành *xên* thì phải diễn xướng có vắn điệu, nhạc điệu, như hát (*khấp*). Người có phẩm chất và năng lực, có tư cách thực hành *xên* được gọi là thầy. Trong *Luật tục Thái* ghi chú 2 loại thầy: Mo và Một. Thầy Một là người có “căn số”, được *phi* Một trên trời nhập hồn, chỉ bảo làm thầy, mà buộc phải làm thầy nếu không sẽ bị *phi* Một “hành hạ” sống dở chết dở và khi đã chấp nhận làm thầy Một, trong nhà phải lập bàn thờ *phi* Một. Có hai loại thầy Một phân biệt theo giới tính (nam và nữ). Thầy nữ Một gọi là Một Ninh, thầy nam Một gọi là Một Lao. Thầy Mo là thầy do tự học hỏi mà nên, nắm vững luật lệ, phong tục tập quán, có tư cách tốt, có uy tín trong cộng đồng, có thể đại diện cho cộng đồng giao tiếp với thần linh (*xên bản*, *xên mừng*). Khác với thầy Một, chỉ nam giới mới làm thầy Mo.

Như thế, cả hai thầy Mo và Một đều có thể *xên*, nhưng *xên khớ* thì chỉ có thầy Một mới có năng lực thực hiện. Đến đây, cần khảo sát về *khớ*, để làm rõ tại sao chỉ thầy Một mới có thể *xên khớ*.

Khớ với người Thái không đơn giản chỉ là “hạn” như cách hiểu thông thường, là những rủi ro, đen đui mà con người gặp phải trong cuộc sống. Với những người Kinh tin vào tử vi/số mệnh, hạn nằm trong số mệnh trời định của mỗi người, tùy thuộc vào giờ, ngày, tháng và năm sinh. Sách *Nếp cũ – tín ngưỡng Việt Nam* của Toan Ánh ghi chép rằng mỗi năm trong cuộc đời một người “bị cai quản bởi một vị sao” và tùy theo niên hạn trong cuộc đời, khi “gặp các vị sao dữ (ác tinh), người ta phải làm lễ dâng sao giải hạn” (Toan Ánh 1968: 226). Sách này cũng lập một bảng tra cứu, “Bảng sao và hạn” chi tiết từng năm của đời người (tính nam-nữ riêng, đến tuổi 100). Có 8 loại hạn được đặt tên, mỗi loại hạn ứng với vị sao nhất định, cho người ta biết đó là hạn như thế nào. Chẳng hạn, tra bảng thấy: Nam - tuổi 27 – ứng sao Mộc tinh – sẽ có hạn Hoàng tuyền. Hạn Hoàng tuyền được coi là “Đại hạn, hao tài, bệnh nặng, mạng gặp dữ” (Toan Ánh 1968: 230-234).

Người Thái cũng coi *khớ/hạn* là những điều tồi tệ mà người ta gặp phải trong cuộc đời ở một giai đoạn nhất định nhưng căn nguyên của *khớ* thì rất khác, không phải do sao hạn chiếu mệnh. Với người Thái, *khớ* không chỉ là những điều tồi tệ xảy ra tại thời điểm nào đó trong cuộc đời mà còn đồng nghĩa với hành trình được sống trên thế gian của một người. Theo mô tả của Cẩm Trọng, người Thái hình dung *khớ* như một “sợi bông trắng mỏng manh”, có lẽ vì cuộc đời của ai cũng vậy, vốn bất trắc, không biết trước sẽ gặp những tai họa gì, sẽ chết lúc nào. Thế nên, “con đường sống kéo dài có nghĩa là *khớ* dài và ngược lại chết non thì gọi là *khớ* ngắn (...). Khi đến 25 tuổi bị ốm nhẹ, người ta bảo đó là một *khớ* nhẹ. Đến 40 tuổi bị ốm thập tử nhất sinh thì đó là một *khớ* nặng. (Cẩm Trọng 1978: 383). Với người Thái, *khớ* dài hay ngắn là do *phi* Then, còn *khớ* nặng hay nhẹ là do nhiều loại *phi* khác, không phải do vị sao nào đó trên

trời như quan niệm của người Kinh, mà có thể chỉ do một loại *phi* nào đó luôn tồn tại quanh con người, chẳng hạn như *phi* Cốt (trẻ con chết thành loại *phi* này). Như thế, căn nguyên của *khớ* chung quy là do PHI. Sự phức tạp của thế giới PHI khiến cho *khớ* mà con người phải chịu trong cuộc đời đa dạng, phức tạp; kéo theo những lễ nghi dành cho *khớ* (*xên khớ*) cũng đa dạng, phức tạp. Tùy từng căn nguyên của *khớ* là do loại *phi* nào mà thầy bói xác định giúp, người Thái sẽ có một lễ tương ứng với đặc tính của loại *phi* đó. Bởi thế, *xên khớ* bao gồm nhiều loại cấp độ lễ lớn nhỏ khác nhau, sự chuẩn bị đồ lễ khác nhau và thầy thực hành lễ cùng với phương thức thực hành cũng khác nhau (Một Lao và Một Nhìn đã nêu trên).

3. PHI, KHUAN - Khái niệm trung tâm trong vũ trụ quan Thái

Đối với người Thái ở Yên Châu, cũng như người Thái ở Tây Bắc nói riêng và người Thái ở Đông Nam Á nói chung, PHI và KHUAN là 2 khái niệm trung tâm của vũ trụ quan Thái.

PHI

Người Thái tin vào sự tồn tại của PHI, thế giới linh hồn (không nhìn thấy được bằng mắt) của tất cả thực thể ở trên trần thế cũng như trên trời (nghĩa là bao gồm vạn vật, người đã chết và cả thần linh), bên cạnh thế giới của người sống. Khi con người hết số mệnh trần thế, chết đi sẽ gia nhập vào thế giới PHI, và tùy theo vị thế lúc còn sống và lý do chết mà người đó sẽ về nơi của loại *phi* nào. Thế giới PHI tác động, chi phối mạnh mẽ đến thế giới người sống. Không chỉ người Thái ở Việt Nam, cho đến ngày nay, ngay cả với người Thái tại những quốc gia theo Phật giáo, tín ngưỡng này vẫn tồn tại. Chẳng hạn, tại Thái Lan, quốc gia người Thái là chủ thể, đồng thời là đất nước theo Phật giáo, ở vùng Bắc Thái Lan, nơi Phật giáo Thượng tọa bộ trở thành tôn giáo phổ thông từ thế kỷ XV, tín ngưỡng PHI vẫn hiện hữu.

Tuy nhiên, PHI đối với người Thái ở Bắc Thái Lan đã có ý nghĩa khác biệt với người Thái ở Việt Nam. Keyes viết: “Từ *phi* rõ ràng chứa đựng ý nghĩa ám chỉ đến một phần linh hồn nguy hiểm của một người còn

vất vưởng sau khi chết và nó cơ bản gắn với thi hài” (Keyes 2022: 113). Như thế, chúng tôi hiểu rằng đối với người Thái theo Phật giáo ở Bắc Thái Lan, PHI chỉ là “một phần linh hồn”, mang nghĩa xấu, được cho là “nguy hiểm”. Điều này nhắc nhở người ta phải chân tu để khi chết toàn bộ linh hồn sẽ về với cõi Phật, thành Phật. Nếu tu không đến nơi đến chốn, một phần (cái phần không chịu tu theo Phật) linh hồn sẽ thành PHI. Quan niệm này rất khác với người Thái ở Việt Nam.

Người Thái ở Lào dù cũng theo Phật giáo và cũng tin vào PHI nhưng khác với người Thái ở Thái Lan, PHI không tích hợp vào “trong vũ trụ quan Phật giáo” mà vẫn tồn tại độc lập, bên cạnh Phật giáo. Trong cuốn *Lịch sử Lào* (Viện Nghiên cứu Đông Nam Á, Nxb. Khoa học xã hội, năm 1997) ghi rõ, từ thế kỷ XVI thời vua Photisarath (Phô-thi-xà-ra-rát) của Vương quốc Lào Lạn Xạng vào năm 1527 “đã ra một sắc lệnh cấm thần dân trong nước không được thờ Phi nữa mà chỉ được phép thờ Phật. (...) Các đền xưa miếu cũ bị đập đi để xây chùa” (...). Tuy nhiên, tại các nơi này “Phi vẫn chiếm được sự sùng bái của nhân dân” (tr. 137-139). Ngày nay mặc dù đã theo đạo Phật, người Lào vẫn thờ Phi bản (...). Tại những nơi Phật giáo thịnh hành, người Lào vẫn thờ Phi bản ngay gốc cây bồ đề trước chùa. Trong tất cả các dịp bun hội của Phật giáo, mọi người đều cúng Phi bản trước khi mở bun than của Phật giáo” (Lịch sử Lào 1997: 20).

Thế giới PHI trong quan niệm người Thái ở Tây Bắc Việt Nam được Chăm Trọng mô tả khá chi tiết⁽²⁾, chúng tôi mạnh dạn rút gọn, hệ thống lại ý của tác giả theo cách hiểu của mình về thế giới phức tạp này như sau: Về cơ bản thế giới PHI có hai vùng tách biệt: Vùng *phi* Người (do người chết mà thành) và vùng *phi* Thần (các vị thần).

Vùng *phi* Người được phân biệt thành 2 phân: *Đảm Đoi* (tổ tiên theo dòng họ) và *Hịt Hạy* (chết trong nghèo khổ, hoặc thân phận kẻ bị cộng đồng khinh bỉ, không được phép về *Đảm Đoi*). *Đảm Đoi* bao gồm *Liên phan luông* - khu vực các dòng họ quý tộc và *Liên pan*

noi - khu vực các dòng họ dân thường. Mỗi khu vực lại có các mừng *phi* khác nhau tùy theo thân phận và trường hợp chết cụ thể của người. *Hịt Hạy* dành cho các thân phận chết không được về với tổ tiên, tức là không đủ tư cách đến *Đảm Đoi*. Phần này cũng gồm nhiều mừng *phi* khác nhau, phân biệt theo thân phận và sự kiện người chết như: *Khlo, Khlai* - người chết không có gia đình/cô độc; *Ha, Pái* - người chết do sinh nở, dịch bệnh, đâm chém, mất bộ phận cơ thể (tắm máu), chết do thất tình...; *Cuốt* - trẻ con bị chết (Cầm Trọng dịch nghĩa là “ma trẻ ranh”), loại *phi* này hay gây ra bệnh cho trẻ con.

Vùng *phi* Then cũng phân biệt thành hai phần: Then Luông và các Then còn lại. Then Luông có thế lực lớn nhất, gồm những Then sáng tạo và là chủ mọi hiện tượng tự nhiên, xã hội. Các Then còn lại chủ quản một sự nào đó trong cuộc sống con người: Then Bun-Then Chăng chủ về hạnh phúc, công danh; Then Xội chủ về xét xử tội lỗi; Then Ló (còn gọi là Me Báu) chủ về sinh ra người; Then Khớ chủ về sự sống/sự tồn tại; Then Chát-Then Chát chủ về sự chết, định ngày giờ chết của người; Then Chương chủ về chiến tranh; Then Xinh chủ về kiểm tra tư cách linh hồn để đưa về đúng vùng *phi* phải đến; Then Hung-Then Khao chủ về hiện tượng tự nhiên như mưa, gió, sấm... Các Then còn lại, mỗi Then chủ quản một mừng ở vùng *phi* Người (chẳng hạn Then Thổng chủ quản *Đảm Đoi*, *Then Hịt-Hạy* chủ quản mừng *Hịt-Hạy*...). (Cầm Trọng 1978: 392-400).

Sự phân biệt các *phi* theo hệ thống trong quan niệm Thái cho thấy, Người và Then là hai tầng tách biệt. Sau khi chết, người luôn thành *phi* Người, không bao giờ trở thành *phi* Then về ngụ ở vùng *phi* Then. Điều này rất khác tít điều Phật giáo. Người Thái theo Phật giáo có thể tin rằng con người, nếu tu hành tốt, sau khi chết có thể được về cõi Phật, không bị đưa vào cõi khác; không bị chuyển kiếp hoặc trở lại kiếp người trong khổ đau.

Dù có những khác biệt trong quan niệm về số phận của các hồn sau khi chết giữa người Thái theo tôn giáo cổ truyền ở Việt Nam với

người Thái theo Phật giáo ở Thái Lan hay Lào, nhưng vẫn còn một sự tương đồng quan niệm về hồn và cách phát âm từ ngữ nói chỉ hồn, đó là “*khuan*” (có thể hơi khác về âm điệu và cách ghi vào văn bản).

KHUAN

Với người Thái ở Yên Châu, hồn là *Khoăn* – ghi âm gần giống nhất với cách phát âm ở đây. Một số sách phiên âm tiếng Thái hơi khác: Sách của Cầm Trọng ghi là *Khuôn*⁽³⁾ (1978) và *Khuân* (1995), Hà Văn Đức (2011) cũng ghi là *Khuân*, có lẽ do thổ ngữ Thái mỗi vùng hơi khác nhau, hoặc có thể do cách phiên âm sang tiếng phổ thông của mỗi tác giả khác nhau. Chúng tôi viết “*khuan*”⁽⁴⁾ bởi việc phát âm từ được ghi như vậy vừa sát với âm điệu giọng người trên thực tế, vừa gần với các cách phiên âm ở các tư liệu trước.

Nếu như PHI bao gồm tất cả thế giới những thực thể tâm linh bên ngoài thế giới ngoài người sống, thì KHUAN gồm tất cả những tinh linh cũng được gọi là *khuan* ngụ tại các bộ phận sinh học cấu thành cơ thể người như đầu, thân, tay, chân, tim, gan v.v. Có thể hiểu là đầu có *khuan* đầu, chân có *khuan* chân, tay có *khuan* tay... Người ta có thể suy nghĩ, nhận biết và hoạt động, giao tiếp được là nhờ hệ thống *khuan* thống nhất trên cơ thể. Sự đau, nhức, mỗi từ các bộ phận mà ta nhận biết được là do *khuan* thông báo rằng ở đó có vấn đề. Đây là điều rất khác với quan niệm của người Kinh - người sống có 3 hồn 7 vía (nam) hay 9 vía (nữ). Trong quan niệm Thái, con người có 80 *khuan* (không phân biệt hồn với vía như người Kinh). Sách *Văn hóa Thái Việt Nam* ghi rõ cơ cấu “30 hồn ở mặt trước, 50 hồn ở mặt sau” (Cầm Trọng, Phan Hữu Dật 1995: 386).

Ông Mè V Ph., thầy Một ở Chiềng Đông giải thích rằng, người ta có 80 *khuan* vì thử đếm riêng các ngón tay ngón chân đã có 20 *khuan*..., trong đó quan trọng nhất là *khuan* chủ ngụ ở trên đỉnh đầu. Một anh bạn người Thái của tôi cho biết đó là lý do mà người Thái không bao giờ đánh con, tối kỵ đánh vào đầu vì lo ngại các *khuan* của con sẽ sợ mà rời khỏi thân thể, đi tìm nó về rất phức tạp. *Khuan* chủ rời đi còn

có thể nguy đến tính mạng. Quan niệm một người sống có nhiều *khuan* còn liên quan đến cách giải thích chuyện hồn người khi chết biến thành *phi* thì đi về đâu. Sách *Luật tục Thái* giải thích: “Hồn con trai được phân thành hai: Một sống trong ngôi nhà vốn có của mình ở bản ở mừng. Một đi về cõi đằm để thành tổ tiên, tiếp tục sống trong cộng đồng huyết thống dòng cha (đằm pâu đằm pú). Hồn người con gái thì phân thành ba: Một sống với nhà của gia đình nhỏ, tức với chồng con như khi còn ở cõi người. Hai sống với chồng ở đằm pâu đằm pú. Ba trở về với cộng đồng huyết thống dòng cha của mình”. (Ngô Đức Thịnh, Chăm Trọng 2023: 980-981).

Một điều đáng lưu ý nữa trong quan niệm về KHUAN của người Thái là khả năng rời khỏi thể xác của nó. Mỗi người có đến 80 *khuan*, không phải lúc nào trong thân xác cũng có đầy đủ số đó; một số *khuan* có thể rời khỏi cơ thể vì lý do nào đó, đi lạc sang “thế giới hư vô”. Quan niệm về KHUAN của người Thái không đơn giản chỉ là phần ngự trong một thân xác mà còn “tạo ra tính cách, hành vi... của con người”. Hơn thế, theo Chăm Trọng, họ còn có ý niệm về tư thế của *khuan* ở mỗi người trong trạng thái *minh* - chỗ đứng, *nen* - chỗ dựa nhất định. Trạng thái của *khuan* trong con người vững chắc hay bất định là do *phi* Then định đoạt. Chăm Trọng viết rằng mỗi người được Then treo *minh*, *nen* vào một cái móc ở trên trời. Nếu cái móc này “lung lay thì người sẽ ốm, móc tuột thì hồn tan, người chết” (Chăm Trọng 1978: 383). Cũng theo ông Mè V Ph. - thầy Một ở Yên Châu, thì *khuan* của mỗi người được Mẹ Bầu Mẹ Nang (nhân vật Then trong truyền thuyết Thái sáng tạo ra hồn người/loài người) giữ trong một cái bát. Soi vào thông tin của Chăm Trọng, có thể hiểu bản thân cái bát là *nen*, bát mà bị móc meo, nứt nẻ, tức là *nen* không tốt, *khuan* sẽ bị yếu; Vị trí và trạng thái của bát là *minh*, nếu bát đặt ở chỗ không chắc chắn hoặc bị cái gì đó chèn vào chân làm cho nghiêng tức là *minh* không ổn, *khuan* sẽ bị bồn chồn, hoảng loạn.

Vấn đề đặt ra là KHUAN liên quan gì đến *khó*, nỗi lo của người sống?

4. Mối liên hệ PHI, KHUAN và *xên khó*

Người Thái quan niệm PHI cũng có cuộc “sống”, cũng cần ăn như người, nhưng “ngược với người. Đêm của người là ngày của *phi*. Người ăn bằng thức ăn thực, nhưng *phi* chỉ ăn hương ăn hoa của thức ăn thực đó”; người Thái có câu: “*cón đẫy kin cáo đi, phi đẫy kin cáo cùm*”, nghĩa là “khách được ăn cho chủ tốt bụng, *phi* được ăn phù hộ cho người” (Chăm Trọng 1978: 380). Thế nên muốn tốt cho người thì phải cúng PHI, tức là phải *xên*. Có rất nhiều loại *phi* nên cũng có nhiều hình thức *xên*, trong đó có *xên khó*. Mối liên hệ PHI - KHUAN - *xên khó* chủ yếu ẩn trong 2 yếu tố: 1) Tính dễ bị tác động bởi các loại *phi* xung quanh cùng khả năng tách khỏi cơ thể của các *khuan* và 2) sự chi phối trực tiếp của *phi* Then đối với người sống; tức là đối với hệ thống KHUAN trong con người.

Mối liên hệ thứ nhất, căn nguyên của chuyện rời cơ thể của *khuan* thường là do một loại *phi* nào đó rủ rê, mê hoặc. Vì mỗi người có 80 *khuan*, mà các *khuan* đều có khả năng rời khỏi cơ thể người, “nhà” của chúng. Sự rời khỏi cơ thể của *khuan* tác động trực tiếp tới sức khỏe con người. Nếu có đủ số *khuan* trong cơ thể thì người khỏe mạnh bình thường; nếu một số ít *khuan* nào đó trốn khỏi cơ thể đi chơi thì người sẽ bị mệt; nếu nhiều *khuan* hơn “trốn” khỏi cơ thể thì sẽ bị ốm và nếu tất cả *khuan* rời bỏ thân xác thì người sẽ chết. Mặt khác, do mỗi *khuan* cư trú và làm chủ một bộ phận cơ thể nên sự rời khỏi “nhà” của *khuan* ở bộ phận nào sẽ khiến bộ phận đó có vấn đề về sức khỏe. Tức là con người tiềm ẩn rất nhiều loại bệnh và mỗi loại bệnh thể hiện ra bên ngoài những mức độ nặng nhẹ khác nhau. Như thế, mối tương tác duyên nợ PHI - KHUAN tạo nên *khó*, người ta tìm nguyên nhân của *khó* từ các *phi* bất kỳ nào đó. Để biết loại *phi* nào đó rủ rê *khuan* rời bỏ cơ thể và mức độ bệnh tương ứng, cần phải hỏi thầy bói. Khi xác định được loại *phi* nào mê hoặc *khuan* và đang giữ *khuan* ở phương nào, thầy bói sẽ khuyên người hỏi làm lễ to hay nhỏ, mời thầy Một Lao hay thầy Một Ninh làm *xên khó*. Lễ dành cho

các trường hợp tương ứng với yếu tố thứ nhất này tạo nên loại *xên* tìm *phi* giữ *khuan* để đưa *khuan* về “nhà”. Ở Sông Mã, Sơn La, tùy từng loại *phi* dữ hay lành, sự việc rủi ro - *khó* nặng hay nhẹ mà người Thái dùng lễ gì: *Khó* nhẹ thì cúng vịt (*xên khó pết*), nặng hơn thì cúng chó (*xên khó ma*) và *khó* nặng hơn nữa thì cúng dê (*xên khó bê*) (Hà Văn Đức 2011: 24-33)

Mỗi liên hệ thứ hai, *khó* do *phi* Then định đoạt. Con người có thể gặp rủi ro, đau ốm và chết không phải do *khuan* rời khỏi cơ thể mà do Then định. Có hai vị Then định hạn đời người là Me Bấu – sinh ra người và Then Chất định ngày giờ chết của người. Có một vị Then chi phối vận mệnh con người là Then Khó.

Sách *Luật tục Thái* giải thích Me Bấu như sau: “Chữ Bấu có nghĩa là khuôn. Đây là nữ thần chuyên đúc thành người rồi giáng xuống trần để đầu thai vào các bà mẹ ở cõi người. Có thể gọi đây là cõi tạo ra người và linh hồn người ở trần gian. Ở đây chúng tôi dịch Me Bấu Me Nang là Bà Mụ, theo nghĩa tương đương, dễ hiểu” (Ngô Đức Thịnh, Cẩm Trọng 2003: 981). Sách *Văn hóa Thái Việt Nam* giải thích kỹ hơn theo góc văn học về Me Bấu dưới tên Then Ló: “Ló nghĩa là đúc. Đây là Then tượng trưng và tạo ra đường sinh nở ra con người. Khuôn để đúc nên người và thổi vào đó linh hồn sống là của bà mẹ được điển hình hóa trong hình tượng gọi là Me Bấu” (Cẩm Trọng, Phan Hữu Dật 1995: 454). Có thể hiểu Me Bấu là vị *phi* Then sáng tạo nên *khuan*/hồn với cái khuôn đúc mà “các bà mẹ Thái xưa có tục sắm cho mỗi đứa con một cái bát sứ cổ để tượng trưng cho cái máng đúc của Me Bấu, gọi là ‘bát bấu’” (Sdd: 455). Nhưng như thế chưa đủ điều kiện, để thành người còn phải được Then Chất-Then Chất vào “sổ nhà Then” ghi họ, tên, chỗ ở, địa vị xã hội và hạn định giờ, ngày, tháng, năm chết cho người. Còn vị Then Khó, nhân vật liên quan trực tiếp đến sự tồn tại đời người, được tác giả sách *Văn hóa Thái Việt Nam* giải thích như sau: “Then Khó ... – tượng trưng và tạo ra đường dây của sự sống con người. Then Khó giữ cho dây khó mỏng manh như sợi chỉ bông khỏi đứt.

Đường dây này có liên quan và tượng trưng cho tiếng thở và tiếng tim đập nên người ta mới có thành ngữ nói: “dây tim dây khó” (*xai chau xai khó*)” (Sdd: 458). Ở đây, “dây khó mong manh” cho thấy cuộc đời người đầy bất trắc, dễ bị tổn thương, thậm chí có thể bị chết (dây khó đứt) khi chưa đến ngày tháng chết đúng hạn định do Then Phất ghi trong “sổ nhà Then”. Bởi thế, không phải Then Phất, Then Khó mới là đối tượng chính mà nghi lễ *xên* hướng tới, do ý nghĩa vô cùng quan trọng của vị Then này đối với sự tồn vong của con người. Nhiều người Thái ở Yên Châu không cần phải có sự kiện ốm đau bệnh tật hay có sự rủi ro bất thường, vẫn nhờ thầy Một làm lễ *xên khó* cho cả nhà, để cầu xin Then quan tâm đảm bảo cho dây *khó* của mình và của mỗi người trong cả gia đình được an toàn, bền chắc.

Như thế, từ các mối liên hệ PHI – KHUAN với *xên khó* phức tạp nêu trên, xét tới mục đích chính yếu nhất của việc *xên*, có thể xác định rằng người Thái có hai loại *xên khó*, đặt tên là *xên tìm khuan* và *xên đưa khuan*.

Loại *xên khó* thứ nhất cúng các loại *phi* Người và có thể cả các *phi* vạn vật khác; tóm lại là bất cứ *phi* nào rú rê *khuan* rời khỏi cơ thể. Loại *xên khó* thứ hai cúng *phi* Then, thế lực định đoạt hoặc chi phối vận mệnh con người, xin Then, ban cho cá nhân, gia đình, thậm chí cả họ tộc sự bình an, may mắn. Cá nhân hoặc gia đình người Thái chủ động mời thầy Một (có thể không cần nhờ lời khuyên của thầy bói) làm *xên khó* sau khi đã chuẩn bị đủ tất cả những đồ lễ cần thiết. Trong loại *xên* này, thầy Một có nhiệm vụ thắp tưng toàn bộ những ai muốn xin *khó* tham gia hành trình lên trời gặp Then Khó và quay trở về nhà an toàn, không để *khuan* của ai thất lạc. Những người trong gia đình muốn xin *khó* nhưng không dự lễ được chỉ cần gửi áo và chút lễ (có thể là tiền mặt) về nơi tổ chức *xên*. Người Thái quan niệm *khuan* của người nào ngụ ở áo của người đó; người gửi áo đồng nghĩa với *khuan* người đó đã có mặt. Đây là loại *xên đưa khuan* đi gặp Then. Thường thì trong trường hợp xin *khó* cho cả gia đình, người ta

mời thầy Một Lao. Loại *xên* này phải cần có âm nhạc trợ giúp thầy Một dẫn dắt mới đảm bảo đưa một “tập thể” *khuan* đi đến nơi về đến chốn được. Người Thái gọi là *xên* Một Lao, hoặc gọi đơn giản là Một Lao.

5. Xên Một Lao

Chúng tôi được tham dự một cuộc *xên* Một Lao thực hiện tại một gia đình người Thái ở bản Đông Tấu, Chiềng Đông, Yên Châu. Gia chủ là đôi vợ chồng trẻ, có một con nhỏ. Căn nhà của họ kiểu nhà ống trên khoảnh đất bé trong vườn trước của một căn nhà sàn lớn (có lẽ đất do bố mẹ chia sau khi anh ta lập gia đình). Nhà xây đơn sơ, lợp ngói fibro xi măng, ngay bên đường đất liên xã, khá rộng, đủ chỗ để ô tô có thể tránh nhau.

Thực hành cuộc *xên* Một Lao này là 3 ông thầy: Thầy Một và hai thầy Pí (thầy Pí là người thổi sáo, một loại sáo đặc biệt, chỉ dùng trong *xên* Một Lao, gọi là Pí Một). Thầy Một là người Chiềng Đông, hành nghề từ năm 1992 (ông nói rằng, kể từ năm đó, ông chỉ sống bằng nghề Một, không làm bất cứ việc gì khác). Hai thầy Pí ở bản khác bên Chiềng Khoi, họ cùng đi trên một xe máy sang nhà thầy Một từ sáng sớm để cùng nhau đến nơi hành lễ.

Trước 8 giờ sáng, các thầy Một và thầy Pí đến. Gia chủ đã chuẩn bị mâm lễ có thủ và chân lợn, đầu và chân gà cùng xôi, rượu, lá trầu để khấn *phi* Hươn (*phi* chủ căn nhà đó). Thủ tục này do thầy Một *tham* để xin phép và báo cáo cho *phi* Hươn biết công việc sẽ làm trong ngày tại nhà; chưa phải là *xên* nên chưa cần đến thầy Pí. Ngay sau khi thầy Một *tham phi* xong, 3 thầy ăn sáng. Gia chủ đã dọn sẵn mâm cho các thầy ăn lấy sức trước khi làm *xên* Một Lao.

Trong lúc thầy Một *tham phi*, một số gia đình anh em họ hàng ở xa lục tục kéo đến. Họ mang theo chút tiền hoặc gạo góp lễ, và quan trọng hơn, mỗi gia đình đều mang áo của tất cả thành viên, buộc lại thành bó nhỏ để riêng. Áo của người nào mang hồn của người đó. Như thế, dù có thành viên gia đình vì lý do nào đó không đến được, chỉ cần gửi áo thì vẫn được cúng giải hạn. Riêng áo của gia chủ được nhét vào trong một gói nhỏ bọc một con cá và một nắm xôi; vì đó mới là nhân vật chính, là lý

do mà thầy Một có mặt hôm nay để làm *xên* Một Lao. Công việc cụ thể của thầy, nói một cách đơn giản, là dẫn cả một đoàn *khuan*, bao gồm cả *khuan* của các thầy⁽⁵⁾, lên trời gặp cho được Me Bẩu và Then Khó để xin giải hạn. Vì “quản lý” nhiều *khuan* cùng lúc, lại phải đưa cả đoàn qua một hành trình dài, thầy Một, dù đã có kinh nghiệm của hơn 30 năm hành nghề, vẫn phải gọi nhờ sư tổ - *phi* Một cùng đi. Bên cạnh đó, thầy cần có thêm sự trợ giúp của thầy Pí thổi những câu nhạc đầy sức mạnh nội lực, thể hiện quyền uy thần bí mới có thể dẫn dắt tất cả các *khuan* đi đến nơi về đến chốn, không để chúng bị thất lạc hay cố tình “trôn” ở lại mừng Then.

Thầy Một ngồi trên tấm đệm đặt giữa nhà, quay mặt vào phía bàn thờ *phi* Hươn. Ngay trước mặt ông là một mâm gạo, có hai bát gạo đầy ở trên; mỗi bát đặt một vòng bạc để chìm trong gạo, một quả trứng đặt trên đỉnh, ở cạnh bát nhét miếng lá trầu bọc vỏ chay. Bên cạnh đó, ngay trên mâm gạo là các đồ biểu tượng cho *khuan*, cho *khó* của cả gia đình họ hàng, và các đồ cúng khác. “Tập thể” *khuan* ở trong các bó áo, còn *khó* ở trong bó dây sợi bông dệt, màu trắng. Những đồ lễ kê trên không thay đổi vị trí trong suốt hành trình hành lễ. Các đồ lễ khác, với ý nghĩa dâng cúng PHI, tùy theo chặng đường đến đâu, tùy theo trường hợp gặp loại *phi* nào, cầu xin cái gì mà thay đổi cho phù hợp. Mọi thứ đã sẵn sàng, thầy Một thắp 2 cây hương cắm vào cái bát to trước mâm gạo, bắt đầu tiến hành công việc.

Xên Một Lao bao gồm nhiều lễ thức, thực hiện theo một trình tự quy định rõ ràng. Chúng tôi đánh số các lễ thức cho tiện trình bày tóm tắt toàn bộ nội dung theo trình tự cuộc *xên* này.

Lễ thức 1 - Mời *phi* Một ngự tại bàn thờ Một (ở nhà thầy) đến trợ lực cho thầy Một dẫn *khuan*. Thầy bắt đầu *xên* như hát (*khấp*) với âm nhạc do thầy Pí thổi. *Phi* Một đã thức dậy, đã bên cạnh thầy Một, sẵn sàng dẫn đoàn *khuan* theo hành trình lên trời.

Lễ thức 2 - Đoàn Khuan được thầy Một đưa đến vùng *phi* Đằm dòng họ cha. Thầy Một đánh thức các *phi* Đằm, *xên* cho ăn, mời ngủ rồi mới dẫn *khuan* đi tiếp. Nếu *xên* cho phụ

nữ thì còn phải đi qua một nơi nữa, đó là *Đầm Lung Ta* (dòng cha đẻ của người phụ nữ).

Lễ thức 3 - Thầy Một dẫn đoàn *khuan* đến chân núi Chiềng Đông, nơi bắt buộc phải qua mới lên trời được (kể cả làm ma, đưa người chết cũng phải qua đó); nơi này tựa như “cửa khẩu” sang vùng các *phi* Then. Đó là một ngọn núi gắn với truyền thuyết về chiếc thuyền bằng đồng rơi từ trên trời xuống; điểm rơi của thuyền tạo thành một hồ nước⁽⁶⁾.

Lễ thức 4 - Đoàn *khuan* đến làng *phi* Cướt (ma trẻ con). Trẻ con vốn nghịch ngợm nên phải xên cho *phi* Cướt ăn, dỗ cho nó ngủ rồi mới tiếp tục hành trình được.

Lễ thức 5 - Đến một khu đồng hoang, nơi *phi* Khlô-Khlai (ma không vợ không chồng) cư ngụ⁽⁷⁾. Đến đây, đồ lễ phải là gà; thầy lại xên cho *phi* Khlô-Khlai ăn, dỗ nó đi nghỉ rồi tiếp tục hành trình.

Lễ thức 6 - Đến vùng làng của các *phi* thường dân (*Liên pán nọi*), chết khi đã có gia đình; vùng này chia làm 2 tầng; tầng dưới là tầng *phi* đàn bà; *xên* qua tầng này mới được lên tầng trên.

Lễ thức 7 - Đến tầng *phi* đàn ông, thầy Một lại xên đánh thức *phi* dậy, mời ăn, mời ngủ rồi mới lại dẫn đoàn *khuan* đi tiếp.

Lễ thức 8 - Đoàn *khuan* lên đến nhà Mẹ Bầu, nhân vật *phi* Then nặn ra con người, bao gồm cả các *khuan* và hình thù nhờ có khuôn đúc. Thầy Một Mè V Ph. giải thích: “*Nếu Mẹ Bầu thả xuống trần, nếu cho “đầu thai” vào bụng người ngay khi “nặn” xong thì người được thọ dài đến hết số mệnh; nếu chẳng may cho vào bụng con trâu, con bò... có khi còn vòng vèo qua bụng con gì đó khác rồi mới vào lòng mẹ mình thì khi đó mình đã già, mẹ mới sinh ra vài năm, mình đã hết số,... thậm chí có trường hợp vừa sinh ra đã chết*”. Vì vậy, lễ thức thứ 8 này vô cùng quan trọng. Gia chủ phải nhờ *Lung Ta* (bên họ ngoại), làm *phấn Bầu* (lễ vật dành riêng cho Mẹ Bầu), bao gồm tất cả những gì tốt đẹp nhất, quý nhất đối với phụ nữ Thái, như vải vóc, bạc trắng (đồng bạc hoa xòe), xà tích bạc, đồ trang sức khác... Tất cả đặt lên một cái mâm được phủ kín bởi những chiếc khăn piêu mới dệt... dâng lên Mẹ Bầu, xin bà

chăm sóc cái bát mệnh của mọi người (cả đoàn *khuan*) khỏi bị nghiêng-lệch hoặc bị nứt nẻ (có thể là nguồn cơn của mọi vận hạn như tai nạn, ốm đau, mất cửa, chết sớm...).

Lễ thức 9 - Thầy Một tiếp tục đưa đoàn *khuan* lên cao hơn, đến nhà Then Khớ, *xên* xin ông hóa giải hết (cất hết) mọi điều xấu, tai ương tật ách trên đường đời của tất cả các *khuan*, đặc biệt là gia chủ, cho vào hòm khóa lại. Ông Một Mè V Ph. cho biết, hòm của Then Khớ có hai lớp nên có 2 lần khóa; và ông ta như là “cấp trên” của Mẹ Bầu, “ký duyệt” cuối cùng tất cả những điều mà con người cầu xin: Nhốt hết mọi điều thiên tai - nhân họa vào hòm, không để chúng trốn ra gây hại, khiến mất mùa trồng cấy, trâu bò gia súc gia cầm bị dịch bệnh, con người bị tai nạn ốm đau, làm ăn xui xẻo... Bởi vậy lễ thức này là đã đến cái đích chính yếu, cuối cùng của toàn bộ cuộc *xên khớ* Một Lao. Chỉ khi *xên* xin được Then Khớ khóa hòm lại thì thầy Một mới đưa đoàn *khuan* trở về. Từ đây là chặng đường đi xuống. Đi xuống không phải theo cách trở ngược lại con đường đi lên, mà phải đi đường khác. Con đường xuống qua một số nơi và đến mỗi nơi đó vẫn cần một lễ thức. Nơi đầu tiên của chặng xuống, có thể ghé vào hoặc không, tùy từng trường hợp gia chủ có nhu cầu hay không.

Đó là lễ thức 10 - Chặng qua Ao Máu. Nếu họ hàng, gia đình người thụ lễ từng có người bị chết tai nạn, chảy máu thì trên đường về, thầy Một dẫn các *khuan* qua Ao Máu, *xên* xin Then quản lý nơi đó không để tai nạn chết chảy máu tiếp tục xảy ra. Trong trường hợp gia đình không có ai bị chết chảy máu thì vẫn có thể nhờ thầy Một đưa *khuan* qua chặng này để phòng ngừa trước.

Lễ thức 11 - Xuống tiếp, tới *hươn khuan*, nơi xem như trạm dừng nghỉ của *khuan*; nhà này vẫn thuộc phạm vi thế giới PHI nên cần có lễ thức, *xên* mời các *phi* ở đó ăn và nghỉ rồi mới xuống tiếp được.

Lễ thức 12 - Qua một con suối, nơi tiếp giáp với thế giới trần tục để về nhà. Thầy Một làm lễ *xên* cho các *khuan* xuống suối tắm rửa, thay đồ sạch sẽ (vì đã phải qua chặng đường dài, vất vả).

Lễ thức 13 - Thầy Một *xên* đưa các *khuan* về lại áo của mình; *xên* đưa *phi* Một về lại bàn thờ ở nhà thầy. Cuối cùng, mọi người trong gia đình cùng 3 thầy ăn uống, xử lý hết các đồ lễ cúng trước khi ai về nhà nấy. Cuộc *xên* Một Lao hoàn thành.

Như thế, toàn bộ hành trình *xên* Một Lao gồm 13 lễ thức. Lễ thức nào cũng đảm bảo các phần: *Xên* đánh thức các *phi* dậy - mời *phi* ăn - mời *phi* nghỉ, xong xuôi mới thực hiện lễ thức khác. Tất cả các lễ thức đều được thầy Một *xên* như hát, giọng hát vang khỏe, hòa cùng tiếng pí thúc giục đầy uy lực. Tuy nhiên, sắc thái *xên* cùng giai điệu pí Một có sự thay đổi, tùy theo đối tượng ứng xử của thầy Một. Mỗi lần giao tiếp với các *phi* Đằm hay *phi* Then, giọng thầy dụ xuống, giai điệu pí mềm mại. Mỗi khi thực hiện hành trình dẫn *khuan* qua quãng đường từ vùng các *phi* này đến vùng các *phi* khác, giọng thầy dứt khoát như ra lệnh cùng với tiếng pí gầm gừ thúc giục. Đó là cách thầy kiểm soát cả đoàn *khuan* trong suốt hành trình dài, đi đến nơi, về đến chốn an toàn.

6. Thảo luận và Kết luận

Coi “Tôn giáo như một hệ thống văn hóa”, Clifford Geertz đưa ra định nghĩa: “Tôn giáo là: 1) một hệ thống các biểu tượng, hoạt động nhằm 2) thiết lập những tâm trạng và động cơ mạnh mẽ, rộng khắp và bền lâu trong con người bằng cách 3) đề ra những khái niệm về một trật tự chung của sự tồn tại và 4) khoác cho những khái niệm này bằng một hào quang của sự thật khiến cho những tâm trạng và động cơ đó dường như là hiện thực duy nhất” (Geertz 1966 - Bản dịch 2006: 312). Nếu dùng khái niệm này, soi vào hành trình *xên* *khớ*, có thể thấy *xên* Một Lao như “soi chỉ” xuyên chuỗi các “làng bản”, các thành phần, tầng bậc của thế giới PHI trong mối liên hệ với KHUAN của thế giới loài người thành một hệ thống hoàn chỉnh trong vũ trụ quan Thái. Mỗi làng bản, mỗi thành phần, tầng bậc trong thế giới đó chi phối cuộc sống, số phận của con người ở mức độ khác nhau. Hành trình xin *khớ* này là một chiều, chỉ có đi, kể cả khi thầy Một đưa *khuan* về lại thể xác ở thế giới trần tục, không được trở lại đường cũ; tựa như hành trình đời

người; tựa như mặt trời chỉ di chuyển một chiều, không bao giờ mọc ở phương Tây lặn ở phương Đông.

Vì dẫn các *khuan* là một hành trình vô hình, các lễ thức *xên* Một Lao không cần bày biện hình thức tạo hiệu ứng thiêng qua thị giác. Mỗi lễ thức đều tiến hành bằng âm nhạc. Nghe nhạc, người ta biết thời điểm bắt đầu hành trình, biết *khuan* đang đến đâu trong hành trình và hết nhạc tức là hành trình kết thúc, *xên* Một Lao khép lại.

Hành trình *xên* *khớ* chưa đưa *khuan* tới tất cả mọi nơi trong thế giới PHI, tức là chưa thể hiện toàn bộ hệ thống niềm tin tôn giáo của người Thái ở Yên Châu, nhưng cũng đủ thỏa mãn khái niệm “tôn giáo” mà Clifford Geertz đề xuất. Có thể coi *xên* *khớ* là một loại tôn giáo bản địa, vì những gì diễn ra không đơn giản chỉ là một loại tín ngưỡng dân gian. Câu chuyện *xên* *khớ* Một Lao còn chưa đề cập đến 12 mường Then cũng như tên và quyền lực của từng loại *phi* Then ở tầng cao nhất của thế giới PHI; chưa đề cập hết các loài *phi* khác,... Dù vậy, qua hành trình đưa đoàn *khuan* xin *khớ* cùng thầy Một Lao (chỉ là một trường hợp trong đời sống tôn giáo), chúng tôi đã cố gắng phác họa một cách đơn giản nhất vũ trụ quan Thái, vốn đa dạng và phức tạp.

Bất cứ dân tộc nào cũng cần có niềm tin tôn giáo để hiểu, lý giải mọi sự việc trong đời sống, duy trì một tinh thần tích cực, một nền tảng đạo đức đúng đắn trong quan hệ với gia đình và với cộng đồng. Và đó thực sự là cơ sở vững chắc để phát triển bền vững một cộng đồng dân tộc cho dù thế giới hiện nay đang thay đổi chóng mặt, với cách mạng khoa học công nghệ, máy tính, khoa học trí tuệ thông minh. Vũ trụ quan Thái với PHI - KHUAN là hai khái niệm trung tâm, hay tư duy tôn giáo của người Thái ở Yên Châu nói riêng, người Thái ở Tây Bắc Việt Nam nói chung, thể hiện một bản lĩnh dân tộc vững vàng. Chúng tôi chưa thấy vùng người Thái nào ở Tây Bắc theo đạo Tin Lành hay theo Phật giáo. Không phải họ không biết người Thái ở Lào, ở Thái Lan hoặc ở quốc gia nào khác theo đạo Phật; cũng có thể họ đã gặp những mục sư Tin Lành hay những nhà sư Phật giáo truyền đạo. Nhưng người Thái ở đây vẫn trung thành với niềm tin tôn giáo của mình. Với họ, thế là đủ,

trong cuộc đời hữu hạn này, không cần phải theo tôn giáo nào khác./.

(* *Bài viết là một phần kết quả của nhiệm vụ khoa học cấp cơ sở năm 2025 Âm nhạc trong lễ giải hạn của người Thái ở Yên Châu, Sơn La do PGS.TS. Kiều Trung Sơn làm Chủ nhiệm, Viện Nghiên cứu Văn hóa là Tổ chức chủ trì.*

Chú thích

(1). Chúng tôi viết hoa PHI và KHUAN khi mang nghĩa hệ thống/chung, đó là 2 hệ thống PHI = các loại *phi* và KHUAN = các loại *Khuan*. Đối với các thực thể cụ thể hoặc một phần trong hai hệ thống đó, chúng tôi dùng chữ nghiêng thường, VD: *phi* Then, *phi* Mọt, *khuan* chủ (ở chòm tóc đỉnh đầu), các *khuan* ngu trên áo...

(2). Tuy nhiên, Cẩm Trọng trình bày có chỗ thiếu nhất quán, *phi* Then được kê lẫn vào vùng *phi* Người. Chẳng hạn, trong nội dung thuộc mục a) “Những vùng trú ngụ của tổ tiên loài người” lại có “mường Then Hịt - Then Hạy” mà ông mô tả là “dành cho người chết vì quá nghèo khổ”. Theo chúng tôi hiểu, ông viết chưa đúng theo ý muốn viết; lẽ ra chỉ cần viết “mường Hịt - mường Hạy” là đủ. Hoặc nội dung *Then Thống chủ Liên pán nội* mà ông viết đồng nghĩa với Đăm Đoi nhưng cũng *Then* này chủ *Liên pán luông*, một vùng *Phi* được trình bày phân biệt với Đăm Đoi. (Cẩm Trọng 1978: 393, 395, 400).

(3). Cẩm Trọng coi *khuan* nằm trong khái niệm *phi* nên trong sách của ông viết *phi khuôn* và ông dịch thành “linh hồn” (Cẩm Trọng 1978, 1995, 2005). Cách dùng thuật ngữ *phi khuôn* có thể khiến người đọc có thể nhầm lẫn hai thế giới: Thế giới loài người và thế giới ngoài con người (có thể dùng từ Hán Việt cho gọn là Phi Nhân). Để tránh điều này, chúng tôi tách biệt *phi* với *khuan*, tức là không dùng *phi khuôn*. Mặt khác, chúng tôi cũng phân biệt, dùng từ “hồn” đồng nghĩa với *khuan* dành cho người sống; “linh hồn” đồng nghĩa *phi* dành cho người chết.

(4). Theo cách viết của PGS.TS Hoàng Cẩm, Viện Nghiên cứu Văn hóa.

(5). Đến nơi hành lễ, mỗi thầy đều mang theo một áo gói trong túi riêng, để vào chỗ các bó áo (bó các hồn) của gia đình nhà chủ.

(6). Hiện dưới chân núi vẫn còn nguyên dấu tích hồ nước, nay đang được tôn tạo. Liên quan yếu tố “thuyền bằng đồng”, khu vực/vùng đất hiện có mỏ đồng, người ta đang khai thác nhưng ở phía bên Bắc Yên, không phải bên Chiềng Đông nên ngọn núi và cái ao không bị ảnh hưởng.

(7). Người Thái quan niệm rằng, người chết ở tuổi thành niên mà chưa có gia đình thì ma không có

“đám” nào cho ở, phải lang thang ở vùng “hoang” không có tên gọi.

Tài liệu tham khảo

1. Toan Ánh (1967), *Nếp cũ: Tín ngưỡng Việt Nam*, (quyển thượng), Nam Chi Tùng Thư xuất bản, in tại Kim Lai Ấn Quán, số 3 đường Nguyễn Siêu, Sài Gòn.
2. Toan Ánh (1968), *Nếp cũ: Tín ngưỡng Việt Nam*, (quyển hạ), Nam Chi Tùng Thư xuất bản, in tại Kim Lai Ấn Quán, số 3 đường Nguyễn Siêu, Sài Gòn.
3. Hà Văn Đức (2011), *Lễ xen khớ bê của người Thái ở huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La*, Luận văn Thạc sĩ Văn hóa học, Học viện Khoa học xã hội.
4. Clifford Geertz (2006) “Tôn giáo như một hệ thống văn hóa”, (Trương Huyền Chi dịch, Đức Hạnh hiệu đính từ Geertz, Clifford. 1973 [1966]. “Religion as a Cultural System” trong *The Interpretation of Cultures*. New York: Basic Books, tr. 87-125), in trong tuyển tập *Những vấn đề nhân học tôn giáo*, Hội Khoa học lịch sử Việt Nam, Tạp chí Xưa và Nay, Nxb. Đà Nẵng, tr. 308-355.
5. Charles F. Keyes (2006), “Dẫn luận: Sự thăng trầm của nghiên cứu nhân học về tôn giáo”, (Đào Thế Đức dịch, Nguyễn Văn Chính hiệu đính từ: Keyes, Charles F. 2003. “The Decline and Rise of the Anthropological Study of Religion”. Chưa xuất bản), in trong tuyển tập *Những vấn đề nhân học tôn giáo*, Hội Khoa học lịch sử Việt Nam, Tạp chí Xưa và Nay, Nxb. Đà Nẵng, tr. 7-27.
6. Charles F. Keyes (2022), *Văn hóa tộc người và tôn giáo ở Đông Nam Á*, Nxb. Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
7. Nhiều tác giả (2006), *Những vấn đề nhân học tôn giáo*, Nxb. Đà Nẵng.
8. Quốc hội (2016), *Luật tín ngưỡng, tôn giáo*, được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 18 tháng 11 năm 2016.
9. Ngô Đức Thịnh, Cẩm Trọng (2003), *Luật tục Thái*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
10. Cẩm Trọng (1978), *Người Thái ở Tây Bắc Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
11. Viện Nghiên cứu Đông Nam Á (1997), *Lịch sử Lào*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

PGS.TS. KIỀU TRUNG SƠN
Viện Nghiên cứu Văn hoá